TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KRÔNG NĂNG** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÕA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2023/HNGĐ - ST
Ngày: 05 - 9 - 2023
"V/v: Tranh chấp hôn nhân gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG NĂNG, TỈNH ĐẮK LẮK

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lương Thị Ngọc.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Y Míp Niê

2. Bà Nguyễn Thị Chinh

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Mậu Tuân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Năng tham gia phiên tòa***: Bà Lê Trịnh Xuân Trang. Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 9 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Năng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 185/2023/TLST- HNGĐ, ngày 09 tháng 6 năm 2023 về việc "Tranh chấp về hôn nhân gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2023/QĐXXST- DS ngày 11 tháng 8 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 40/2023/QĐST – DS ngày 23 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn*****:** Chị H Na Sa N H, sinh 1988 (Có mặt).

Địa chỉ: Buôn W, thị trấn K, huyện K, tỉnh Đăk Lăk.

- ***Bị đơn:*** Anh Y R N, sinh 1988 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Buôn W, thị trấn K, huyện K, Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn chị H Na Sa N H trình bày:

Chị và anh Y R N kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn K, huyện K vào năm 2013. Sau kết hôn vợ chồng chung sống với nhau được thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra cãi vã, không có tiếng nói chung nên mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, không thể hòa hợp mặc dù đã được hai bên gia đình hòa giải. Vì tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không thể duy trì nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Y R N.

Trong quá trình chung sống chị và anh Y R N có con chung là cháu H Như Ý N H, sinh 01/01/2015. Sau ly hôn, chị có nguyện vọng được chăm sóc nuôi dưỡng con chung đến tuổi trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con chung, tài sản và nợ chung chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, quá trình giải quyết vụ án anh Y R N trình bày:

Trên cơ sở tình yêu tự nguyện và được sự cho phép của hai bên gia đình nên anh và chị H Na Sa N H tổ chức cưới theo phong tục và có đăng ký kết hôn theo qui định tại UBND thị trấn K, huyện K vào năm 2013. Sau khi kết hôn thì vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung nên thường xuyên cãi vã. Nay thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh đồng ý ly hôn với chị H Na Sa N H.

Trong quá trình chung sống anh và chị H Na Sa N H có con chung là cháu H Như Ý N H, sinh 01/01/2015. Sau ly hôn, anh đồng ý giao cháu H Như Ý N H cho chị H Na Sa N H chăm sóc nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con chung, tài sản và nợ chung anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Qúa trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thông báo theo qui định cho anh Y R N, nhưng anh Y R N không có mặt nên Tòa án không thể hòa giải được.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Krông Năng phát biểu ý kiến và kết luận: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Toà án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về thẩm quyền, thủ tục tố tụng. Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân huyện Krông Năng đã thực hiện đầy đủ và đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Người tham gia tố tụng chấp hành đúng quy định của pháp luật về quyền, nghĩa vụ của đương sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H Na Sa N H, cho chị H Na Sa N H được ly hôn với anh Y R N. Về con chung đề nghị giao con chung cho chị H Na Sa N H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Về cấp dưỡng nuôi con chung, tài sản và nợ chung các đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa. HĐXX nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết: Căn cứ đơn xin ly hôn của chị H Na Sa N H, cùng các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, có cơ sở xác định đây là vụ kiện tranh chấp về hôn nhân và gia đình về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con". Bị đơn anh Y R , trú tại buôn W, thị trấn K, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đăk Lăk.

[1.2] Qúa trình giải quyết vụ án Tòa án nhân dân huyện Krông Năng đã triệu tập và tống đạt hợp lệ thông báo phiên họp và hòa giải theo qui định cho anh Y R N. Nhưng anh Y R N không có mặt nên vụ án không tiến hành hòa giải được. Tại phiên

tòa, bị đơn anh Y R N vắng mặt lần thứ hai không có lý do, căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Krông Năng tiến hành xét xử vắng bị đơn theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Về quan hệ hôn nhận: Chị H Na Sa N H và anh Y R N kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo qui định tại UBND thị trấn K, huyện K, tỉnh Đăk Lăk vào năm 2013.Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị H Na Sa N H và anh Y R N là hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau được thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống. Nên vợ chồng thường xuyên cãi vả dẫn tới phát sinh mâu thuẫn. Vì mâu thuẫn vợ chồng không thể giải quyết nên chị H Na Sa N H yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn.

Qúa trình giải quyết vụ án chị H Na Sa N H thừa nhận cuộc sống chung của vợ chồng có nhiều bất đồng và thường xảy ra mâu thuẫn. Vợ chồng hiện đã sống ly thân và nhận thấy tình cảm không còn, hôn nhân không thể duy trì nên đều đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn, anh Y R N đồng ý ly hôn.

HĐXX nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H Na Sa N H và anh Y R N đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình cần chấp nhận đơn khởi kiện của chị H Na Sa N H, cho chị H Na Sa N H được ly hôn với anh Y R N.

[2.2] Về trách nhiệm nuôi con chung: Trong thời kỳ hôn nhân chị H Na Sa N H và anh Y R N có con chung là cháu H Như Ý N H, sinh 01/01/2015. Qúa trình giải quyết vụ án chị H Na Sa N H có nguyện vọng chăm sóc nuôi dưỡng con chung, anh Y R N đồng ý giao con chung cho chị H Na Sa N H chăm sóc nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành

HĐXX xét thấy việc nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung là trách nhiệm của cả cha và mẹ. Chị H Na Sa N H và anh Y R N đều thống nhất giao con chung cho chị H Na Sa N H, nên căn cứ vào Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, HĐXX thấy cần giao cháu H Như Ý N H cho chị H Na Sa N H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Các đương sự không yêu cầu nên HĐXX không đặt ra xem xét.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên HĐXX không đặt ra xem xét.

[3] Về án phí: Chị H Na Sa N H phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo qui định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng khoản 1 Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;

Áp dụng khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H Na Sa N H.

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Chị H Na Sa N H được ly hôn với anh Y R N.

2. *Về nuôi con chung*: Giao cháu H Như Ý N H, sinh 01/01/2015 cho chị H Na Sa N H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Anh Y R N có quyền đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. *Về án phí*: Chị H Na Sa N H phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm. Được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Krông Năng theo biên lai số 0022379 ngày 01/6/2023.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết hợp lệ.

<u>Nơi nhận</u>:
- *TAND tỉnh Đắk Lắk;*
- *VKSND tỉnh Đắk Lắk;*
- *VKSND huyện Krông Năng;*
- *Chi cục THADS huyện Krông Năng;*
- *UBND TT K;*
- *Đương sự;*
- *Lưu hồ sơ.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Lương Thị Ngọc